TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày 26-01-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền
Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thâng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLPT-DS ngày 01-12-2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HS-ST ngày 26/9/2017 của TAND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: - Ông Hồ Văn K; sinh năm 1976

Địa chỉ: xóm T, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Bà Phạm Thị K1; sinh năm 1985

Địa chỉ: xóm T, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng

(Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị K1 là anh Hồ Văn K)

- *Bị đơn:* - Ông Nguyễn Tiến L; sinh năm: 1964

Địa chỉ: Xóm T1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Bác sỹ

Bà Lương Thị Q; sinh năm: 1965

Địa chỉ: Xóm T1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: y tá (Đã nghỉ hưu)

Người làm chứng
- Chị Kiều Thị D; sinh ngày 05/9/1977 (Có mặt)
Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng

- Anh Nguyễn Thừa Đ(Con của bị đơn); sinh ngày 01/9/1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Viên chức văn hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 trình bày: Ngày 26 – 07 – 2014, vợ chồng anh K – chị K1 cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q vay số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 10 tháng, lãi suất 1% mỗi tháng. Khoản vay này từ đó đến nay vợ chồng ông L - bà Q không thanh toán nợ lãi cũng như nợ gốc. Nay vợ chồng anh K - chị K1 yêu cầu vợ chồng ông L - bà Q phải thanh toán số tiền gốc 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 26 – 07 – 2014 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1% mỗi tháng. Tại phiên tòa, vợ chồng anh K – chị K1 thay đổi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh K – chị K1 còn trình bày khoảng tháng 02 – 2012, ông L vay của vợ chồng anh K – chị K1 số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Khoản vay này vợ chồng ông L – bà Q đã thanh toán xong cả gốc và lãi với số tiền khoảng từ 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) đến 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng), nay vợ chồng anh K – chị K1 không nhớ chính xác. Khoản tiền này do đã thanh toán xong nên vợ chồng anh K – chị K1 không đòi nợ vợ chồng ông L - bà Q, nhưng vì vợ chồng ông L – bà Q nêu ra nên vợ chồng anh K – chị K1 trình bày thêm để Tòa án biết xem xét ý kiến của vợ chồng ông L – bà Q.

Để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình, vợ chồng anh K – chị K1 nộp một giấy vay tiền, nội dung thể hiện ngày 26 – 7 – 2014 vợ chồng ông L – bà Q vay vợ chồng anh K – chị K1 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 10 tháng, nhưng giấy vay tiền không ghi thỏa thuận lãi suất. Trên giấy vay tiền có chữ ký của bên vay mang tên Nguyễn Tiến L và Lương Thị Q.

Ngoài ra, vợ chồng anh K – chị K1 đề nghị Tòa án triệu tập chị Kiều Thị D để làm chứng. Chị D trình bày: Dịp mùa hè năm 2014 không nhớ rõ ngày tháng cụ thể, chị đến nhà vợ chồng anh K – chị K1 chơi thì gặp ông L đến nhà anh K – chị K1 vay một số tiền không rõ là bao nhiêu nhưng chị thấy rất nhiều, gồm có các cọc tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Ông L và vợ chồng anh K – chị K1 đã lập giấy vay tiền đặt ở trên bàn tiếp khách, tiến hành bàn giao tiền vay trước mặt chị D. Khi chị D hỏi vay tiền làm gì mà vay nhiều thế thì ông L nói vay tiền lo việc cho con. Lúc đó chị không thấy bà Q, sau đó chị ra về nên không biết bà Q có đến ký giấy vay

tiền hay không, nội dung giấy vay tiền chị cũng không xem kỹ nên không biết cụ thể hai bên đã thỏa thuận như thế nào.

Bị đơn là ông Nguyễn Tiến L trong các bản tự khai và biên bản lấy lời khai trình bày: Ngày 13 – 02 – 2012, ông L vay của vợ chồng anh K – chị K1 số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), khi vay ông L đã ký vào sổ ghi nợ của vợ chồng anh K – chị K1. Sau đó, do ông L chỉ trả được 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), chưa hết nợ nên đến ngày 26 – 08 – 2014, anh K thuê người lạ mặt chặn xe ép ông L về nhà anh K rồi yêu cầu ông L gọi bà Q vợ ông L đến, vừa dụ dỗ vừa ép buộc vợ chồng ông L – bà Q phải ký giấy vay vợ chồng anh K – chị K1 số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Ban đầu ông L thấy giấy vay tiền ghi số tiền vay là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) trong khi trên thực tế chỉ vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) trước đó nên không đồng ý ký, song sau đó bị anh K và người được anh K thuê vừa đe dọa, vừa dụ dỗ nên ông L và bà Q buộc phải ký. Sau khi ký giấy vợ chồng ông L – bà Q đã kiếm tiền trả thêm cho vợ chồng anh K – chị K1 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng), tổng cộng cả trước và sau khi bị anh K ép ký giấy vay tiền đã trả được 75.000.000đ (Bảy mươi lăn triệu đồng) cả gốc và lãi. Vì vậy nay ông L không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của vợ chồng anh K – chị K1.

Đồng bị đơn là bà Lương Thị Q trong các bản khai cũng thừa nhận vợ chồng bà đã ký tên người vay trong giấy vay tiền lập ngày 26 – 07 – 2014. Tuy nhiên bà Q trình bày: Trên thực tế bà không vay và cũng không biết ông L vay nợ vợ chồng anh K - chị K1 như thế nào. Ngày 26 – 08 – 2014, khi bà được ông L gọi đến nhà anh K thì bị anh K và một người lạ mặt đe dọa, đồng thời ông L bảo cứ ký giấy vay nợ để về nên bà đã ký giấy vay. Sau đó bà được ông L cho biết thực tế ông L chỉ vay vợ chồng anh K – chị K1 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và vợ chồng bà đã kiếm tiền trả cho vợ chồng anh K – chị K1 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng). Vì vậy nay bà cũng không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của vợ chồng anh K – chị K1.

Để chứng minh cho lời trình bày và ý kiến của mình, ông L đã nộp:

- 01 giấy biên nhận tiền, nội dung thể hiện vào một ngày không xác định vợ chồng anh K – chị K1 đã được bà Q thanh toán số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), có chữ ký nhận của chị K1;

- 01 giấy biên nhận tiền, nội dung thể hiện ngày 28 – 5 – 2014 chị K1 đã được ông L thanh toán số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), có chữ ký nhận của chị K1;

- 01 giấy biên nhận tiền, nội dung thể hiện tối ngày 30 – 8 – 2014, chị K1 đã được ông L thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), có chữ ký nhận của chị K1;

- 01 giấy biên nhận tiền, nội dung thể hiện ngày 7 – 10 – 2014, anh K đã được ông L thanh toán số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), có chữ ký nhận của anh K.

Tổng cộng cả 4 giấy biên nhận thể hiện vợ chồng anh K – chị K1 đã được vợ chồng ông L – bà Q thanh toán 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa ngày 10 – 8 – 2016, ông L đưa ra yêu cầu giám định để chứng minh Các chữ số "26/07/2014" (các chữ số chỉ ngày vay tiền), chữ số "10" (chữ số chỉ thời hạn vay tiền) và cụm từ "trước pháp luật" (cụm từ thể hiện cam kết của bên vay về việc chịu trách nhiệm trước pháp luật) đã được viết thêm vào giấy vay tiền. Tại bản kết luận giám định số 352/PC54 ngày 20 – 9 – 2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh đã kết luận: Các chữ số "26/07/2014" và chữ số "10" đã được viết thêm vào giấy vay tiền. Không đủ cơ sở kết luận các từ "trước pháp luật" có được viết thêm vào giấy vay tiền hay không.

Tại phiên tòa ngày 27 – 6 – 2017, ông L thay đổi lời khai cho rằng khi bị ép buộc ký giấy vay tiền vợ chồng ông không đọc nội dung giấy vay tiền nên không biết được trước khi ký giấy vay tiền thì chữ số "240.000.000" và dòng chữ "Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn" (chữ số và dòng chữ chỉ số tiền vay) đã được viết vào trong giấy vay tiền hay chưa. Ông L yêu cầu giám định lại và giám định bổ sung để xác định toàn bộ chữ viết, chữ số, chữ ký trong giấy vay tiền có được viết, ký trong cùng một thời điểm hay không (ý muốn nói một số nội dung, nhất là nội dung chỉ số tiền vay hai trăm bốn mươi triệu đồng trong giấy vay tiền là ký khống). Tại bản kết luận giám định (giám định lại và giám định bổ sung) số 331/C54-P5 ngày 05 – 9 – 2017 của Viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an kết luận: Không đủ cơ sở kết luận trên giấy vay tiền, chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 16 tính từ trên xuống (tức là toàn bộ chữ viết, chữ số trên giấy vay tiền) được viết trước hay sau chữ ký, chữ viết đứng tên Lương Thị Q và Nguyễn Tiến L tại mục "Người vay ký tên".

Tại phiên tòa ngày 26 – 9 – 2017, vợ chồng ông L – bà Q đưa thêm người làm chứng là anh Nguyễn Thừa Đ(con của vợ chồng ông L – bà Q). Anh Đ trình bày năm 2015, anh được vợ chồng ông L – bà Q cho xem 2 bản phô tô giấy vay tiền. Một giấy y hệt giấy vay tiền mà vợ chồng anh K – chị K1 nộp cho Tòa án để khởi K, còn một giấy cũng y hệt như vậy nhưng không có cụm số "26/7/2014", chữ số "10" và cụm từ "trước pháp luật". Ông L nói với anh Đ thực tế ông L chỉ vay vợ chồng anh K – chị K1 60.000.000đ nhưng vợ chồng anh K – chị K1 tính lãi cao lên đến 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và thuê người ép vợ chồng ông L – bà Q phải ký nhận nợ 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Anh Đ còn khai anh có một băng ghi âm việc chị K1 tuyên bố rằng vợ chồng chị K1 cho vay lấy lãi cao. Hội đồng xét xử yêu

cầu anh Đ cung cấp băng ghi âm này nhưng anh Đ trình bày anh không mang theo, xin tạm ngừng phiên tòa để cung cấp sau.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh đã xét xử:

Áp dụng: - Khoản 25 Điều 70, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 96, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 161, Khoản 2 Điều 162 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Khoản 1, Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án và Điều 471; Khoản 1 và Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1, buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q phải thanh toán cho vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 290.400.000đ (Hai trăm chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q còn phải thanh toán cho vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 26 – 9 – 2017 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ, tương ứng với số tiền chậm thi hành án và thời gian chậm thi hành án.

Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 10-10-2017 bị đơn ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh: không chấp nhận với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi K. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Kỳ Anh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung bị đơn ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q kháng cáo bao gồm: Không chấp nhận việc TAND huyện Kỳ Anh buộc ông, bà phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bên nguyên đơn là vợ chồng K1 – K 240.000.000đ tiền gốc và 50.000.000đ tiền lãi là không đúng quy định của pháp luật vì giấy vay nợ khoản tiền trên là bị bên nguyên đơn ép ký.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án dân sự này ông L có đơn tố cáo yêu cầu xử lý anh K về tội bắt giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản. Cấp sơ thẩm đã đình chỉ vụ án dân sự chuyển cơ quan công an để điều tra vụ án dân sự, tuy nhiên, kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh kết luận không có sự việc anh K thuê người bắt giữ, đe dọa ép buộc vợ chồng ông L, bà Q ký khống giấy vay tiền.

Ngoài ra theo yêu cầu của ông L cấp sơ thẩm đã tiến hành giám định để chứng minh các chữ số "26/07/2014" (các chữ số chỉ ngày vay tiền), chữ số "10" (Chữ số chỉ thời hạn vay tiền) và cụm từ "Trước pháp luật" (Cụm từ thể hiện cam kết của bên vay về việc chịu trách nhiệm trước pháp luật) đã được viết thêm vào giấy vay tiền. Kết luận giám định của cấp cao hơn là Viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an kết luận không đủ cơ sở để xác định toàn bộ nội dung giấy vay tiền được viết trước hay sau khi vợ chồng ông L-bà Q ký tên người vay.

[2] Trong quá trình giải quyết phúc thẩm anh Nguyễn Thừa Đ là con trai của bị đơn ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q cung cấp 01 USB chứa phai ghi âm và 01 Bản trình bày nội dung của bản ghi âm. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Thừa Đ trình bày phai ghi âm ghi lại lời tuyên bố của chị K1 về việc vợ chồng anh K – chị K1 cho vay nặng lãi, nhưng HĐXX phúc thẩm nhận thấy nguồn chứng cứ đó chưa đủ cơ sở để khẳng định khoản tiền 240.000.000đ mà bên nguyên đơn khởi K yêu cầu bị đơn phải trả là do tính lãi cao từ tiền gốc 60.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q cũng không cung cấp được chứng từ gì thêm để chứng minh giấy vay tiền 240 triệu là bị ép buộc ký, ngoài ra ông L còn khẳng định giấy vay tiền đó hai vợ chồng ký tại nhà nguyên đơn

[3] Về mức lãi suất: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông L – bà Q phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả tính từ ngày 26-5-2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 26-9-2017 là có căn cứ chấp nhận. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản là 9% mỗi năm, cho nên vợ chồng ông L – bà Q phải thanh toán số tiền lãi 9%/năm x 240.000.000đ x 2 năm 4 tháng = 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) là đúng với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì *các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh.

Áp dụng: Khoản 25 Điều 70, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 96, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 161, Khoản 2 Điều 162 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Khoản 1 và Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1, buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q phải thanh toán cho vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 290.400.000đ (Hai trăm chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q còn phải thanh toán cho vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 26 – 9 – 2017 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ, tương ứng với số tiền chậm thi hành án và thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thi hành án thì còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí, lệ phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 5, Khoản 1, Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến L – bà Lương Thị Q phải chịu14.520.000đ (Mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho vợ chồng anh Hồ Văn K – chị Phạm Thị K1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 0002619 ngày 22 – 3 – 2016.

- Buộc ông Nguyễn Tiến L phải chịu số tiền chi phí giám định là 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền tạm ứng chi phí giám định 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) mà ông Nguyễn Tiến L đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, còn thừa 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Tiến L được trả lại, nhưng khấu trừ 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Tiến L đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh trả trước, nay ông L được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh trả tiếp 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định.

- *Án phí phúc thẩm:* Áp dụng khoản 1 Điều 148 BLTTDS, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn Tiến L và bà Lương Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh theo Biên lai số 0005151 ngày 17/10/2017.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Kỳ Anh;
- Chi cục THA.DS huyện Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền